

Số: 15/2024/QĐST-HNGĐ

Ba Đồn, ngày 10 tháng 6 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1994; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Bị đơn: anh Hồ Quang T, sinh năm 1989; nơi cư trú: thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 60 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” và điểm b Điều 1.3 Phần 1, Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2024,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Hồ Quang T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các mối quan hệ khác như sau:

2.1. *Về quan hệ con chung:* Anh, chị thừa nhận không có.

2.2. *Về tài sản chung, nợ chung:*

- Về tài sản và giá trị tài sản:

Thửa đất số 1462, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích 385,1m² và căn nhà cấp 4, xây dựng năm 2019 gắn liền với thửa đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 519921 mang tên ông Hồ Quang T và bà Nguyễn Thị Hồng V. Các bên thỏa thuận thống nhất thửa đất và tài sản trên đất có giá trị theo giá thị trường là 490.000.000 đồng (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*).

Tài sản phục vụ cho sinh hoạt, gồm: 01 xe mô tô SH màu trắng, BKS 73K1 - 233.06; 01 ti vi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; 01 nóng lạnh; 01 điều hòa; 01 máy ép nước mía; 01 máy lọc nước và một số đồ dùng khác trong nhà.

- Về nợ chung: Anh, chị thừa nhận khoản nợ chung là 145.000.000 đồng.

- Về sự thỏa thuận của các đương sự:

Anh Hồ Quang T được quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ thửa đất số 1462, tờ bản đồ số 7 tại thôn B, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, diện tích 385,1m² cùng căn nhà cấp 4, xây dựng năm 2019 gắn liền với thửa đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 519921 mang tên ông Hồ Quang T và bà Nguyễn Thị Hồng V. Chị Nguyễn Thị Hồng V nhận số tiền 245.000.0000 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu đồng*) từ anh Hồ Quang T (Việc giao nhận số tiền 245.000.000 đồng giữa anh Hồ Quang T và chị Nguyễn Thị Hồng V đã được thực hiện ngày 31/5/2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn).

Đối với các tài sản còn lại và nợ chung: anh Hồ Quang T và chị Nguyễn Thị Hồng V thống nhất tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. *Về án phí sơ thẩm:* chị V và anh T thỏa thuận, chị V chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch về chia tài sản khi ly hôn trên số tiền được hưởng, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Hồng V chịu 150.000 đồng án phí ly hôn và 6.125.000 đồng án phí chia tài sản khi ly hôn, tổng cộng là 6.275.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003288 ngày 27/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn. Chị Nguyễn Thị Hồng V còn phải nộp số tiền 5.975.000 đồng (*Năm triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Anh Hồ Quang T chịu 6.125.000 đồng (*Sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí chia tài sản khi ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền*

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Ba Đồn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Anh Đức